

Số: 161 /BC-UBND

Huyện Dương Minh Châu, ngày 20 tháng 4 năm 2021

## BÁO CÁO

### Công khai tình hình thu - chi ngân sách địa phương quý I năm 2021

Thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện về phân bổ ngân sách địa phương năm 2021.

UBND huyện báo cáo công khai tình hình thu - chi ngân sách địa phương quý I năm 2021, cụ thể như sau:

#### I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

- Tổng thu ngân sách nhà nước 64.580/198.350 triệu đồng, đạt 32,56% kế hoạch, tăng 32,58% so cùng kỳ.

*(Kèm theo biểu số 93,95 thực hiện đến ngày 31/03/2021)*

#### II. Thu - chi ngân sách cấp huyện

1. Tổng thu ngân sách huyện 167.566/315.949 triệu đồng, đạt 53,04% kế hoạch, giảm 6,06% so cùng kỳ, trong đó:

- Thu điều tiết 57.826/174.523 triệu đồng, đạt 33,13% kế hoạch.

- Thu trợ cấp ngân sách 75.861/141.426 triệu đồng, đạt 56,64% kế hoạch, trong đó thu trợ cấp cân đối 25.041 triệu đồng, thu bổ sung có mục tiêu 50.820 triệu đồng.

- Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang 33.879 triệu.

2. Chi ngân sách cấp huyện 86.099/315.949 triệu đồng, đạt 27,25% kế hoạch, giảm 17,89% so cùng kỳ, trong đó:

- Chi đầu tư XD CB 17.784/60.700 triệu đồng, đạt 29,3% kế hoạch.

- Chi thường xuyên 56.212/249.204 triệu đồng, đạt 22,56% kế hoạch.

- Chi bổ sung ngân sách cấp dưới 10.639 triệu đồng.

- Chi tạm ứng 1.064 triệu đồng.

- Chi ủy thác Ngân hàng Chính sách 400 triệu đồng

*(Kèm theo biểu số 94 thực hiện đến ngày 31/03/2021)*

#### III. Đánh giá - Nhận xét

##### 1. Mặt làm được

- Tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 theo đúng quy định.

- Công tác giao dự toán ngân sách cho các phòng, ban, ngành huyện, các xã, thị trấn được tiến hành đúng thời gian.

- Chi thường xuyên đảm bảo lương và hoạt động, các chính sách an sinh xã hội; tăng cường công tác quản lý, sử dụng ngân sách đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chi tiền tết Nguyên đán kịp thời cho cán bộ, công chức.

- Công tác quản lý ngân sách các xã, thị trấn cơ bản đạt yêu cầu; duy trì họp giao ban tài chính các xã, thị trấn, nắm bắt những khó khăn, vướng mắc để kịp thời xử lý.

- Trên cơ sở dự toán được giao đầu năm, ngành thuế kịp thời xây dựng kế hoạch hàng tháng, quý phối hợp chặt chẽ với cơ quan, ban ngành đoàn thể nhất là các xã, thị trấn chủ động tổ chức thu ngân sách ngay đầu năm, khắc phục tình trạng dồn vào cuối năm.

## 2. Mặt hạn chế

Các khoản thuế thu đạt tỷ lệ thấp: Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đạt 1,45% kế hoạch, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 1,26% kế hoạch.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thu - chi ngân sách địa phương quý I năm 2021, UBND huyện trân trọng báo cáo. *[Signature]*

*Nơi nhận:* *[Signature]*

- Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- Các P, B, N, ĐT huyện;
- LĐ và CV VP.HĐND và UBND huyện;
- Lưu: VT, VP.HĐND và UBND huyện.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

*[Signature]*  
CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



*[Signature]*  
Đặng Thủ Thừa

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2021**

(Kèm theo Báo cáo số 161/BC-UBND ngày 20/4/2021 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>198.350</b>	<b>64.580</b>	<b>32,56</b>	<b>132,58</b>
	Thu nội địa	198.350	64.580	32,56	132,58
<b>B</b>	<b>THU CÂN ĐỐI NSNN</b>	<b>315.949</b>	<b>167.566</b>	<b>53,04</b>	<b>93,94</b>
1	Thu điều tiết	174.523	57.826	33,13	132,22
2	Thu trợ cấp	141.426	75.861	53,64	56,34
	Bổ sung cân đối	116.715	25.041	21,45	100,00
	Bổ sung có mục tiêu	24.711	50.820	205,66	202,9
	Thu từ NS cấp dưới nộp lên				
3	Thu chuyển nguồn CCTL				
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		33.879		55,32
<b>C</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>315.949</b>	<b>86.099</b>	<b>27,25</b>	<b>82,11</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>315.949</b>	<b>75.460</b>	<b>23,88</b>	<b>162,40</b>
1	Chi đầu tư phát triển	60.700	17.784	29,30	578,33
2	Chi thường xuyên	249.204	56.212	22,56	150,45
3	Dự phòng ngân sách	6.045		-	
4	Chi tạm ứng		1.064		
5	Chi ủy thác NHCS		400		
<b>II</b>	<b>Chi bổ sung ngân sách cấp dưới</b>		<b>10.639</b>		
<b>III</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>				

**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2021**

(Kèm theo Báo cáo số 16/BC-UBND ngày 20/4/2021 của UBND huyện)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	LOẠI THUẾ	DỰ TOÁN 2021	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH (%)	
				TH/DT	CÙNG KỲ
	1	2	3	5	6
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>198.350</b>	<b>64.580</b>	<b>32,56</b>	<b>134,54</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>198.350</b>	<b>64.580</b>	<b>32,56</b>	<b>134,54</b>
1	Thuế CTN, NQD	98.500	27.782	28,20	187,65
	Thuế GTGT	84.400	24.878	29,48	182,31
	Thuế TNDN	6.500	1.725	26,54	206,50
	Thuế TTĐB	90	32	35,72	165,79
	Thuế tài nguyên	7.510	1.146	15,26	726,99
	Phạt chậm nộp		-		-
2	Lệ phí trước bạ	9.500	2.036	21,43	150,05
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	250	5	2,18	45,17
4	Phí và lệ phí	3.400	1.536	45,17	116,26
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	12.300	187	1,52	2.342,47
6	Thuế thu nhập cá nhân	23.000	5.906	25,68	201,81
7	Thu tiền cấp quyền sử dụng đất	42.000	23.984	57,11	91,50
8	Thu khác ngân sách	9.030	2.904	32,16	213,75
	Thu phạt ATGT	5.000	497		
	Thu khác NS huyện	2.700	1.941		
	Thu khác ngân sách xã	1.330	466		
9	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	370	240	64,86	
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>174.523</b>	<b>57.826</b>	<b>33,13</b>	<b>47,33</b>

## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 161/BC-UBND ngày 20/4/2021 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện Quý I/2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
Λ	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>315.949</b>	<b>86.099</b>	<b>27,25</b>	<b>185,29</b>
A	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>315.949</b>	<b>86.099</b>	<b>27,25</b>	<b>207,80</b>
I	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>60.700</b>	<b>17.784</b>	<b>29,30</b>	<b>578,33</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	60.700	17.784	29,30	578,33
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>249.204</b>	<b>56.212</b>	<b>22,56</b>	<b>38,56</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	182.124	106.113	58,26	108,41
2	Chi khoa học và công nghệ	260	5	1,90	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	2.536	1.192	47,00	111,28
4	Chi văn hóa thông tin	949	684	72,07	80,30
5	Chi phát thanh, truyền hình	665	942	69,24	241,04
6	Chi thể dục thể thao	535	460	176,03	78,01
7	Chi bảo vệ môi trường	693	359	51,75	383,03
8	Chi hoạt động kinh tế	13.466	1.208	8,97	14,41
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	25.680	21.062	82,02	107,11
10	Chi bảo đảm xã hội	17.491	13.858	79,23	105,98
III	<b>Chi tạm ứng ngân sách</b>		<b>1.064</b>		
IV	<b>Chi ủy thác ngân hàng chính sách</b>		<b>400</b>		
V	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>6.045</b>		-	
VI	<b>Chi bổ sung ngân sách cấp dưới</b>		<b>10.639</b>		
B	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				

